

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2017
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Sơn;

Ông Trần Hùng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Khu phố C, Phường D, thành phố E, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý Thanh B, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã G, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc A trình bày: Bà và ông Lý Thanh B tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2010. Bà và ông B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và ông B thường xuyên uống rượu, không về nhà, không chăm sóc gia đình, có lời lẽ xúc phạm bà nên làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà và ông B ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay. Xét

thấy không thể hòa giải hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lý Thanh B.

- Về con chung: Bà và ông B có một con chung tên Lý Nguyễn Y, sinh ngày 29/7/2011, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông B tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông B không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lý Thanh B đã khai: Ông thừa nhận quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của bà A. Ông và bà A tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 2010. Trước đây vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Tuy nhiên đến tháng 9/2016, do đường đi vào nhà bị ngập nước nên bà A về nhà cha mẹ ruột của bà A ở để tiện cho việc đưa con đi học và đi làm nhưng sau đó không về nhà nên vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Ông vẫn còn yêu thương vợ con, mong muốn gia đình hàn gắn nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

- Về con chung: Ông và bà A có một con chung tên Lý Nguyễn Y, sinh ngày 29/7/2011, hiện đang sống với bà A. Nếu Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của bà A thì ông đồng ý giao cháu Y cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông và bà A tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà A không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Bà A và ông B kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Ông B không thừa nhận giữa vợ chồng ông có mâu thuẫn nhưng quá trình xác minh thể hiện nguyên nhân mâu vợ chồng là do ông B thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không hòa giải hàn gắn được, Tòa án tiến hành hoà giải cho bà A, ông B có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông B không đến mà không có lý do, điều đó thể hiện ông B không có thiện chí hòa giải, hàn gắn. Về con chung: Bà A và ông B thống nhất có một con chung tên Lý Nguyễn Y, sinh ngày 29/7/2011, bà A yêu cầu

được nuôi cháu Y. Từ ngày ly thân cho đến nay bà A chăm sóc cháu Y tốt nên giao cháu Y cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, bà A và ông B tự thỏa thuận nên không giải quyết. Về nợ chung, bà A và ông B trình bày không có nên không giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A đối với ông B. Giao con chung cho bà A được nuôi dưỡng, ghi nhận bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà A và ông B tự thỏa thuận, nợ chung trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí buộc bà A phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B. Ông B phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc A và ông Lý Thanh B kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 22/01/2010 nên hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì bà A cho rằng ông B thường xuyên uống rượu, không chăm sóc gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay nhưng không hòa giải hàn gắn được, ông B không thừa nhận giữa vợ chồng ông có mâu thuẫn nhưng quá trình xác minh thu thập chứng cứ có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà A và ông B là do ông B thường xuyên uống rượu, không chăm sóc gia đình từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng ông bà không hạnh phúc, phù hợp với tài liệu chứng cứ do bà A cung cấp. Mặc dù, ông B không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã triệu tập ông để hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng ông B không đến mà không có lý do, điều đó chứng tỏ ông B không có thiện chí để hoà giải, hàn gắn vợ chồng và cũng không có biện pháp khắc phục. Do đó thấy rằng mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà A và ông B thống nhất có một con chung là Lý Nguyễn Y, sinh ngày 29/7/2011, hiện đang sống chung với bà A từ ngày ly thân cho đến nay. Bà A có yêu cầu được nuôi con, ông B không đồng ý ly hôn nhưng đồng ý giao cháu Anh cho bà A nuôi dưỡng nếu Tòa án cho ly hôn. Xét thấy, từ ngày ly thân đến nay bà A nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho cháu Anh nên cần tiếp tục giao cháu Anh cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Ông B được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc A và ông Lý Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Nguyễn Y, sinh ngày 29-7-2011 cho bà Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà A không yêu cầu, không ai được cản trở ông B thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0020597 ngày 10-01-2017 và 100.000 đồng theo biên lai số: 0020854 ngày 19-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Lý Thanh B không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lý Thanh B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại UBND cấp xã nơi ông B cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã G (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu